

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2017/HSST

Ngày: 14/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Ông Đỗ Văn Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Ông Nguyễn Công Thi kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2017/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/HSST-QĐ ngày 01/12/2017 đối với các bị cáo:

1. Đặng Nho K (tên gọi khác: Không), sinh năm 1996. Tại xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn X, xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Nguyên Đ (đã chết) và bà Bàn Thị G sinh năm 1962; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 25/8/2017, tạm giam ngày 28/8/2017. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái – Có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Văn C (tên gọi khác: Không), sinh năm 1984. Tại xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn X, xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn K, sinh năm 1955 và

bà Đinh Thị N, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Trần Hải Y, sinh năm 1985 và 02 con. Con lớn sinh năm 2006; con nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số: 31/LCĐKNCT ngày 01/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Hiện tại ngoại tại thôn X, xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái – Có mặt tại phiên toà.

3. Bàn Kim L(tên gọi khác: Không), sinh năm 1994. Tại xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bàn Phú T (đã chết) và bà Triệu Thị M, sinh năm 1972; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số: 32/LCĐKNCT ngày 01/9/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Hiện tại ngoại tại thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái – Có mặt tại phiên toà.

4. Người bị hại:

- Anh Lù Thanh P, sinh năm 1974, trú tại: Thôn X, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái. (Có mặt tại phiên tòa).

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993, trú tại: Thôn T1, xã A, huyện Y, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1982, trú tại: Thôn V, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bàn Tồn N, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn Q, xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Bàn Tồn N1, sinh năm 1998. Trú tại: Thôn L, xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Lê Văn H, sinh năm 1988. Trú tại: Thôn Q, xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Phạm Thanh S, sinh năm 1969. Trú tại: Thôn D, xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Trương Văn C, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn X, xã S, huyện Y, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/8/2017 Đặng Nho K đến nhà bạn là Bàn Tiến S, sinh năm 1994 ở thôn C, xã T, Văn Yên chơi và ở tại đó. Khoảng 21 giờ ngày 20/8/2017 Đặng Nho K đến nhà anh Đinh Hồng C, sinh năm 1977 ở cùng thôn K, cách nhà S 300m để chơi. K thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biểm kiểm soát (BKS) 21E1-224.40 của anh Lù Thanh P dựng ở ven đường cách nhà anh C khoảng 20m nên nảy sinh ý định trộm cắp. K đi về nhà S, dùng dao cắt lấy một sợi dây đồng dài 10 cm, đường kính khoảng 0,1 cm ở trong đồng đồ cũ ở góc nhà S để sử dụng cho việc trộm cắp xe. Khoảng hơn 22 giờ cùng ngày, K bảo S là về nhà có việc vì có bạn lên đón, K đi bộ đến khu vực nhà anh C và đi đến chiếc xe mô tô Honda Blade mà K đã để ý trước đó. Quan sát thấy xung quanh không có ai, K ngồi xuống rút công tắc điện vào ổ khóa và dắt chiếc xe đó ra ngoài đường tỉnh lộ Đông An - Gia Hội cách nhà anh C khoảng 50m. K dùng đoạn dây đồng đã chuẩn bị từ trước đầu nối vào ổ khóa điện rồi đạp cần khởi động để nổ máy xe. K đi xe từ đường xã T ra xã A, rồi theo đường A – M qua xã An Thịnh đi tiếp đến nhà Trương Văn C lúc đó là khoảng 01 giờ ngày 20/8/2017. Tại nhà C, K và C thỏa thuận mua bán xe, C hỏi K chiếc xe này ở đâu thì K bảo: “chiếc xe này bọn nó ăn trộm trên Lạng Sơn, em mua lại về bán cho anh”. C hỏi K bán bao nhiêu thì K bảo 6.000.000 đồng. C ra xem thì thấy xe không có chìa khóa nên chỉ trả K 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) thì K đồng ý, do C không có đủ tiền trả cho K nên K phải ngủ lại nhà C. Khoảng 06 giờ cùng ngày C đi vay tiền của anh L là hàng xóm của C để trả cho K. K mượn của C chiếc cờ lê để tháo biểm số chiếc xe trộm cắp đã bán cho C, cho vào túi xách của K để không bị lộ còn C tháo chiếc biểm số xe của C lắp vào chiếc xe mua lại của K. Sau đó K nhờ C chở ra đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai thuộc xã A, Văn Yên để đi xe khách lên Lào Cai chơi, khi chờ xe trên cao tốc ở Km 141+700 K đã ném chiếc biểm số xe 21E1-224.40 xuống rệ phải đường. Số tiền bán chiếc xe K đã chỉ dùng cho cá nhân hết.

Ngày 21/8/2017 Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe mô tô mà K đã bán cho C, không có biểm kiểm soát. Ngày 31/8/2017 Cơ quan điều tra đã truy tìm được chiếc biểm số xe mà K đã vứt ở khu vực Km 141+700 đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai.

Quá trình điều tra K còn khai nhận như sau:

- Thời gian trước đó, vào đêm ngày 31/7/2017 K đã trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 21E1-121.79 của anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993 trú tại thôn T1, xã A, Văn Yên dựng ở sân nhà. Chiếc xe này K đã bán cho một người đàn ông không quen biết trên Lào Cai thông qua giao dịch mạng xã hội facebook với số tiền 10.000.000đồng. Kiều đã dùng 7.000.000đồng mua một chiếc xe Honda AirBlade BKS 24B2-116.96 của một người đàn ông không quen biết qua mạng xã hội tại Hà Nội, số tiền còn lại K đã tiêu sài cá nhân hết. Sau đó, K mang chiếc xe này về xã S nhờ anh Lê Văn H, sinh năm 1988 trú tại thôn Q, xã S, Văn Yên bán cho anh Phạm Thanh S, sinh năm 1969 trú tại thôn D, xã S, Văn Yên lấy 10.000.000đồng, số tiền bán xe K đã chi tiêu hết.

- Khoảng 15 giờ ngày 13/8/2017 Đặng Nho K mượn xe mô tô loại Wave Alpha màu trắng của Nguyễn Văn T ở huyện X, Lào Cai đi vào thôn L, xã S đón Bàn Kim L và rủ L đi chơi. K chở L đi vào xã D, sau đó quay ra xã T và đi vào thôn Y, xã T, Văn Yên chơi. Khi đi đến cánh đồng thuộc thôn X, xã T thì K nhìn thấy chiếc xe mô tô loại Honda Blade màu đen trắng, BKS: 21E1-280.58 của anh Hoàng Văn H, sinh năm 1982 trú tại thôn Đ, xã T, Văn Yên đang dựng ở mép đường bê tông bên phải theo hướng đi của K, chìa khóa xe vẫn đang cắm ở ổ khóa. Quan sát xung quanh chỉ có ba bốn người đang làm ruộng bên phải đường, cách chiếc xe khoảng 100m đến 200m, K nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe. K nói với L là “có chiếc xe vẫn cắm chìa khóa, anh em mình trộm cắp đi bán”, L đồng ý. K chở L đi tiếp khoảng 300m thì dừng xe lại và bảo L tụt xuống lấy chiếc xe đó. Do L sợ nên K để L điều khiển xe. L điều khiển xe chở K chạy quay lại, khi đi qua chiếc xe định trộm cắp khoảng 10 mét thì dừng lại, K xuống xe và bảo L tiếp tục chạy xe theo hướng trung tâm xã T và sang thị trấn Mậu A, K sẽ lấy xe và có gì sẽ điện thoại cho L sau. K đi đến chiếc xe, ngồi lên yên xe nổ máy để xe quay đầu về hướng T thì anh H nhìn thấy và hét lên “Thằng kia sao mày lấy xe của tao”. K nghe thấy thế thì tăng ga bỏ chạy. K điều khiển chiếc xe trộm cắp được lên xã M thì gặp L, K và L cùng đi lên nhà anh Bàn Tiến S, sinh năm 1994 ở thôn C1, xã X chơi. Tối ngày 13/8/2017 K đã dùng cờ lê (có sẵn trong cốp xe) tháo chiếc biển kiểm soát, cho vào cốp xe. Trưa ngày 14/8/2017 K nhờ S đi chiếc xe mà K mượn của T, còn K đi chiếc xe chiếm đoạt được ra đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai thuộc xã Đ để gửi trả lại chiếc xe cho T. Chiều ngày 14/8/2017 K và L đi chiếc xe chiếm đoạt được về xã S, khi đi cách nhà S khoảng 01 km K đã ném chiếc BKS 21E1-280.XX xuống suối Ngòi Hút. K bảo L khi nào bán được xe sẽ chia tiền cho L. Chiều ngày 15/8/2017 K mang chiếc xe chiếm đoạt được “cắm” (cầm cố) cho Bàn Tồn N, sinh năm 1987 trú tại thôn Q, xã V, Y. Sau đó K nhờ N bán chiếc xe đó cho Bàn Tồn N1, sinh năm

1998 trú tại thôn L, xã S lấy 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Số tiền bán xe K đã chi dùng cá nhân hết mà chưa chia cho Bàn Kim L.

Ngày 25/8/2017 Cơ quan điều tra đã tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 24B2-116.96 để điều tra, xác minh và tạm giữ chiếc xe mô tô loại Honda Blade màu đen trắng của anh H mà K đã bán cho Bàn Tồn N1. Còn chiếc BKS: 21E1-280.XX Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm theo lời khai của K nhưng không tìm được.

Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Trương Văn C một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 35N1-084.XX để điều tra xác minh. Theo lời khai của K thì khoảng tháng 6/2017 K thấy trên mạng rao bán chiếc xe trên với giá 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Thấy rẻ nên đã liên hệ với số điện thoại của người giao bán. K và người đó gặp nhau ở khu vực gần nhà hàng 123, đường Kim Mã, Hà Nội để giao dịch mua bán. Sau đó, K mang chiếc xe về và bán lại cho anh C với giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 27 ngày 11/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Yên kết luận:

“Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 21E1-224.XX là 13.177.000 đồng (mười ba triệu một trăm bảy bảy nghìn đồng); Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đen trắng, BKS: 21E1-280.XX là 16.915.000 đồng (mười sáu triệu chín trăm mười lăm nghìn đồng); Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 21E1-121.XX là 11.588.000 đồng (mười một triệu năm trăm tám tám nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 41.680.000 đồng (Bốn mươi một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng)”.

Vật chứng của vụ án xử lý như sau: Ngày 19/9/2017 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng:

- Trả lại chiếc xe Honda Blade BKS 21E1-224.XX; 01 biển số xe; 01 đăng ký xe cho anh Lù Thanh P.

- Trả lại chiếc xe Honda Blade màu đen trắng, BKS: 21E1-280.XX; 01 đăng ký xe; 01 cờ lê màu trắng cho anh Hoàng Văn H.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade BKS 24B2-116.XX: Quá trình điều tra, xác minh xác định chiếc xe trên là tang vật của vụ án trộm cắp tài sản mà Cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai đang thụ lý điều tra. Do vậy, ngày 31/10/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Yên đã tiến hành

bàn giao xe cho Cơ quan điều tra Công an thành phố Lào Cai để điều tra theo thẩm quyền.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX BKS 35N1-084.XX: Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu của chiếc xe trên là bà Quách Thị P, sinh năm 1954 trú tại N, Ninh Bình. Bà P cho con trai là Vũ Ngọc D, sinh năm 1993 mượn để đi làm tại thành phố Hà Nội và đã bị mất trộm vào khoảng tháng 6/2017 nhưng anh D không báo công an. Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà P chiếc xe nói trên.

Tại Cơ quan điều tra, Đặng Nho K, Trương Văn C và Bàn Kim L đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 71/KSĐT ngày 27/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố Đặng Nho K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự và tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 137 Bộ luật Hình sự; Trương Văn C về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 250 Bộ luật Hình sự. Bàn Kim L về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 137 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đặng Nho K phạm tội “Trộm cắp tài sản và tội Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 138; điểm o, p khoản 1 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 điều 137; điểm p khoản 1; 2 điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điều 50 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Trương Văn C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1; 5 điều 250; điểm h, p khoản 1 điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Phạt bị cáo từ 03 triệu đến 05 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Tuyên bố bị cáo Bàn Kim L phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng: Khoản 1 điều 137; điểm h, p khoản 1; 2 điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo Đặng Nho K phải bồi thường số tiền 11.588.000đồng là giá trị của chiếc xe anh bị mất. Yêu cầu của anh Q là có căn cứ và phù hợp. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật Hình sự; khoản 1 điều 584; 585; 586; 589 và điều 357 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Đặng Nho K phải bồi thường cho anh Q số tiền 11.588.000đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí HSST và DSST theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/7/2017 và ngày 19/8/2017 lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, bị cáo Đặng Nho K đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 21E1-224.XX của anh Lù Thanh P trị giá 13.177.000 đồng và trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 21E1-121.XX của anh Nguyễn Văn Q trị giá 11.588.000 đồng. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” bị xử lý theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, ngày 13/8/2017 lợi dụng trong lúc anh Hoàng Văn H đang làm ở dưới ruộng, Đặng Nho K và Bàn Kim L đã công nhiên chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS: 21E1-280.XX anh H dựng ở ven đường có giá trị là 16.915.000 đồng. Hành vi này của Đặng Nho K và Bàn Kim L đã phạm vào tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 137 Bộ luật Hình sự. Sau khi trộm cắp được chiếc xe của anh Lù Thanh P, Đặng Nho K đã bán cho Trương Văn C. Mặc dù C đã biết rõ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS 21E1-224.XX là tài sản do phạm tội mà có, nhưng C vẫn mua chiếc xe đó với giá 5.500.000 đồng của K. Hành vi này

của Trương Văn C đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 điều 250 Bộ luật Hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng. Bị cáo K là người đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” tuy đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Bị cáo C là người biết được tài sản là trộm cắp nhưng vì ham rẻ nên vẫn cố tình phạm tội. Bị cáo L mặc dù chỉ là người bị K rủ rê nhưng bị cáo cũng đã cùng K thực hiện hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy cần phải đưa các bị cáo ra xử lý bằng pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo là người có sức khỏe nhưng do không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân. Các bị cáo biết rõ các hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Đây thể hiện sự coi thường pháp luật, ý thức giáo dục rèn luyện của các bị cáo là rất kém. Do đó cần có mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo K trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo và tự mình khai ra những lần trộm cắp trước mà chưa bị Công an phát hiện ra. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự đối với tội “Trộm cắp tài sản”. Đối với tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản” trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa anh H là người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1; 2 điều 46 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Trương Văn C và Bàn Kim L trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Cần cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa anh H là người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L. Do vậy cần cho bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đặng Nho K đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản hai lần. Mỗi lần giá trị tài sản bị cáo trộm cắp đều trên 2.000.000đồng. Do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy nên phải có một mức án phù hợp với các bị cáo: Với vai trò đầu vụ bị cáo Đặng Nho K phải chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án và bị cáo cùng phạm hai tội. Do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung. Các bị cáo Trương

Văn C; Bàn Kim L có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 46 Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Trương Văn C; Bàn Kim L ra khỏi xã hội cũng có thể giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Văn Q yêu cầu bị cáo Đặng Nho K phải bồi thường số tiền 11.588.000đồng. Yêu cầu của anh Q là có căn cứ và phù hợp. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 584; 585; 586; 589 và điều 357 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Đặng Nho K phải bồi thường cho anh Q số tiền 11.588.000đồng.

[9] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo K phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố:

Bị cáo Đặng Nho K phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”

Bị cáo Trương Văn C phạm tội “Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có”

Bị cáo Bàn Kim L phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”

2. Về hình phạt:

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Nho K 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 137; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Nho K 09 (chín) tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Đặng Nho K phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 25/8/2017.

* Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Văn C 01(một) năm tù cho hưởng án treo. Thời

gian thử thách là 02 (hai) năm. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 14/12/2017. Giao bị cáo Trương Văn C cho uỷ ban nhân dân xã S, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Trương Văn C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

* Áp dụng khoản 1 Điều 137; điểm h, p khoản 1; 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bàn Kim L 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 14/12/2017. Giao bị cáo Bàn Kim L cho uỷ ban nhân dân xã S, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái cùng gia đình giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Bàn Kim L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Nho K phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Q tổng số tiền là: 11.588.000đồng. (Mười một triệu năm trăm tám tám ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Q có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo K chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Các bị cáo K; C; L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí HSST. Bị cáo K phải chịu 579.000đồng tiền án phí DSST.

Các bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Công an huyện Văn Yên;
- VKSND huyện Văn Yên;
- THADS huyện Văn Yên;
- THA phạt tù;
- Bị cáo; Trại giam;
- Người bị hại; Người liên quan;
- UBND xã Viễn Sơn;
- Lưu HS – TA.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thoảng